

Số : 896/KSBT

Bến Tre, ngày 30 tháng 5 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
Về việc cung cấp văn phòng phẩm năm 2023

Kính gửi: Các công ty cung cấp văn phòng phẩm

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre

Địa chỉ : 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại liên hệ: 02753 822353

Hiện nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre có nhu cầu về việc mua văn phòng phẩm năm 2023 cho hoạt động của đơn vị (chi tiết danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách và số lượng đính kèm)

Quý công ty quan tâm xin gửi bản chào giá theo danh mục đính kèm về địa chỉ nêu trên.

Yêu cầu báo giá

- Bên ngoài phong bì ghi: Báo giá văn phòng phẩm
- Hình thức tiếp nhận : văn bản giấy
- Báo giá riêng từng mặt hàng theo danh sách đính kèm.
- Báo giá bao gồm toàn bộ chi phí.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: đến hết 14 giờ ngày ngày 08/6/2023 theo dấu bưu điện.

Để làm giá kế hoạch cho gói thầu mua văn phòng phẩm năm 2023. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre rất hân hạnh hợp tác cùng quý công ty.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng Website cdcbentre.org
- Lưu : VT.



Nguyễn Hữu Định

DANH MỤC VĂN PHÒNG PHẨM

Kèm theo thư mời báo giá số 896/KSBT ngày 30 tháng 5 năm 2023

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Tiêu chuẩn/thông số kỹ thuật	Tổng cộng	Đơn giá	Thành tiền
1	A grap lớn bấm giấy	Cái	Kim bấm số 3	11.00		
2	A grap nhỏ bấm giấy	Cái	Kim bấm số 10	50.00		
3	Băng keo 2 mặt (loại mỏng)	Cuộn	2 phân, mỏng	2.00		
4	Băng keo 2 mặt (xốp)	Cuộn	22mm, dạng xốp	28.00		
5	Băng keo dán gói 3cm (màu)	Cuộn	3 cm	83.00		
6	Băng keo trong lớn	Cuộn	Cuộn 5 cm	67.00		
7	Băng keo trong nhỏ	Cuộn	2 phân, vòng nhỏ	70.00		
8	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 5 phân	Cái	Gáy 5 phân	20.00		
9	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 7 phân	Cái	Gáy 7 phân	40.00		
10	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 10 phân	Cái	Gáy 10 phân	250.00		
11	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 20 phân	Cái	Gáy 20 phân	75.00		
12	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 25 phân	Cái	Gáy 25 phân	76.00		
13	Bìa công	Cái	Gáy 10 phân	41.00		
14	Bìa hộp	Cái	Gáy 10 phân	7.00		
15	Bìa kiếng A 4	Xấp	210mm x 297mm 100 tờ/xấp	19.00		
16	Bìa sơ mi @	Cái	Bìa công mũ 2.5 phân	65.00		
17	Bìa sơ mi có nắp	Cái	Khổ F4, 21cm x 33cm	1,295.00		
18	Bìa sơ mi không nắp (bìa lá)	Cái	Khổ F4, 21cm x 33cm	382.00		
19	Bìa sơ mi mỏng có lỗ	Xấp	Nhựa PP, khổ A 4 gáy đục lỗ	99.00		
20	Bìa sơ mi nhỏ (bìa lá)	Cái	Khổ F4, 21cm x 33cm	365.00		
21	Bìa trình ký VC 2 kẹp	Cái	23.5cm x 31 cm. Hai kẹp	59.00		
22	Bút lông đầu đầu kim (viết ống nghiệm)	Cây	bi 0.5mm, mực xanh	179.00		
23	Bút lông đầu đỏ (Không bôi được)	Cây	0.8mm & 6mm	72.00		
24	Bút lông đầu xanh (không bôi được)	Cây	0.8mm & 6mm	120.00		
25	Bút lông đỏ (viết bảng)	Cây	0.8mm & 6mm	60.00		
26	Bút lông xanh (viết bảng)	Cây	0.8mm & 6mm	65.00		
27	Dao rọc giấy	Cái	0.5 x 18 x 100 mm	29.00		
28	Dụng cụ bấm lỗ	Cái	11 x 12.5 cm	13.00		
29	Dụng cụ chước viết chì	Cái	Mũi cứng 11cm x 15cm x25	71.00		
30	Dụng cụ tẩy viết chì (gôm)	Cục	Trắng, 13g	114.00		



STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Tiêu chuẩn/thông số kỹ thuật	Tổng cộng	Đơn giá	Thành tiền
31	Giấy A4 230 gsm	Xấp	20.5cm x 29.5cm (230gsm)	-		
32	Giấy A0	Tờ	80gsm, 0.6 x 1m	50.00		
33	Giấy A3	Gram	80 gsm, 41cm x 29,5cm	-		
34	Giấy A4	Gram	70 gsm 20,5cm x 29,5 cm	521.00		
35	Giấy A4	Gram	80 gsm 20,5cm x 29,5 cm	400.00		
36	Giấy A4 làm bìa Màu 180g/m ²	Xấp	180 gsm 20,5cm x 29,5 cm	51.00		
37	Giấy A4 làm bìa Trắng	Xấp	180 gsm 20,5cm x 29,5 cm	17.00		
38	Giấy A4 một mặt láng (in hình siêu âm)	Xấp	180 gsm 20,5cm x 29,5 cm	22.00		
39	Giấy A5	Gram	70 gsm 20,5cm x 14,5 cm	70.00		
40	Giấy có keo dán No 107	Xấp	Mã: 107 (17 x 50mm)	89.00		
41	Giấy có keo dán No 103	Xấp	Mã: 103 (36 x 62mm)	29.00		
42	Giấy dán tiện ích(nhựa 1cm x 4cm)	Xấp	1 cm x 4cm	91.00		
43	Giấy hộp (lau lam kính)	Hộp	24 cm x 12 cm x 8cm	122.00		
44	Giấy than	Xấp	21 cm x 33cm	3.00		
45	Keo dán giấy (keo lỏng dạng nước)	Chai	Dạng nước :30 ml	157.00		
46	Hộp đựng hồ sơ	Hộp	7cm x 26cm x 36cm	19.00		
47	Kéo	Cây	Dài 23,5 cm	44.00		
48	Kẹp bướm 51 mm	Hộp	51mm	73.00		
49	Kẹp bướm 41mm	Hộp	41mm	64.00		
50	Kẹp bướm 32mm	Hộp	32mm	119.00		
51	Kẹp bướm 25mm	Hộp	25mm	182.00		
52	Kẹp bướm 19mm	Hộp	19mm	241.00		
53	Kẹp giấy	Hộp	Dài 25mm	1,622.00		
54	Kim bấm giấy lớn	Hộp	Số 3	26.00		
55	Kim bấm giấy nhỏ	Hộp	Số 10	557.00		
56	Ly mũ uống thuốc	Cái	Ly tôn (không sóng) 50mm	112,540.00		
57	Móc dán tường.	Cái	mũ cứng	138.00		
58	Nẹp giấy	Hộp	Khổ 80 mm x 10 mm	7.00		
59	Sáp đếm tiền	Hộp	Trắng, 22g	52.00		
60	Sổ cảnh bìa bóng	Cuốn	25cm x 33cm	80.00		
61	Sổ lưu hồ sơ ruột mù	Cuốn	Bìa nhựa 100 lá	23.00		
62	Tập (loại 100 trang)	Cuốn	15cm *20,5cm (100 trang)	106.00		

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Tiêu chuẩn/thông số kỹ thuật	Tổng cộng	Đơn giá	Thành tiền
63	Tập (loại 200 trang)	Cuốn	15cm*20,5cm (200 trang)	98.00		
64	Tập lưu hồ sơ bìa mù	Tập	Bìa nhựa 40 lá	29.00		
65	Thước cây meca	Cây	Dài 500mm	11.00		
66	Túi nhựa có miệng kéo	Kg	Nhựa PE, miệng kéo 20 cm	12.00		
67	Túi nhựa miệng kéo	kg	Nhựa PE, miệng kéo 15cm	13.00		
68	Túi nilong (1kg)	kg	Nhựa PE loại kg	11.00		
69	Viết bic đen	Cây	bi: 0.5mm, mực đen	109.00		
70	Viết bic đỏ	Cây	bi: 0.5mm, mực đỏ	177.00		
71	Viết bic xanh	Cây	bi: 0.5mm, mực xanh	2,090.00		
72	Viết chì	Cây	3B	218.00		
73	Viết dạ quang	Cây	đầu tròn 0.8 mm đầu dẹp 4 mm	115.00		
74	Viết để bàn (có chân đế)	Cây	bi: 0.5mm, mực xanh	25.00		
75	Viết xóa kéo	Cây	5mm x 6m	87.00		
76	Viết xóa mực trắng	Cây	12 ml	59.00		
77	Máy tính tay 12 số	Cái	Màn hình tính 12 số	18.00		
Tổng cộng						

Ghi bằng chữ :

